

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2024

**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG**  
**THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT VÀ THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT**  
**QUY ĐỊNH VỀ CẢI TẠO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

**Một số nội dung sửa đổi, bổ sung trọng tâm:**

- Định nghĩa và giải thích từ ngữ rõ ràng, đúng và phù hợp với công việc thực tế mà cụ thể một trong số đó là định nghĩa lại về cải tạo xe cơ giới.
- Phân cấp rõ ràng và toàn diện các nội dung thẩm định thiết kế cho các Sở GTVT các địa phương để thực hiện được hầu hết các nội dung cải tạo xe cơ giới hiện nay.
- Việc thực hiện thẩm định thiết kế được thực hiện tại bất kỳ các Sở GTVT địa phương trên toàn quốc thay vì các Sở Giao thông vận tải chỉ chịu trách nhiệm thẩm định các thiết kế cải tạo xe cơ giới có đăng ký biển số tại địa phương mình.
- Đơn giản hóa các thủ tục trong thực hiện cải tạo xe cơ giới: (i) làm rõ các trường hợp xe cơ giới có sự thay đổi để phân cấp thành các trường hợp không được coi là cải tạo, miễn lập hồ sơ thiết kế cải tạo, phải thực hiện lập hồ sơ thiết kế cải tạo. (ii) Cho phép các cơ sở thiết kế cung cấp cho chủ phương tiện văn bản đồng ý sử dụng bản sao hồ sơ thiết kế do chính Cơ sở thiết kế tự thiết kế và đã được cơ quan thẩm định thiết kế thẩm định.
- Hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp khi đã thực hiện việc thi công thay đổi một lượng lớn các xe cơ giới khác với Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định đã được cấp trước ngày 15/02/2024.
- Bổ sung trách nhiệm của Chủ phương tiện, Cơ sở thiết kế, Cơ quan thẩm định thiết kế, Cơ sở thi công cải tạo và Cơ quan nghiệm thu và để làm rõ trách nhiệm trong thực hiện thiết kế, thi công, nghiệm thu và sử dụng phương tiện đúng mục đích cải tạo nhằm nâng cao chất lượng phương tiện xe cơ giới cải tạo.

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
Thông tư Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>	<p>Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 08 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.</p>
<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> 1. Thông tư này quy định về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là xe cơ giới) đã có biển số đăng ký hoặc đã qua sử dụng được phép nhập khẩu. 2. Thông tư này không áp dụng đối với các xe cơ giới sau đây: a) Xe mô tô, xe gắn máy, máy kéo; b) Xe cơ giới được cải tạo để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cải tạo xe cơ giới.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p>	<p><b>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p>
<p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Xe cơ giới là các phương tiện giao thông đường bộ được định nghĩa, phân loại tại các tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6211 và TCVN 7271 (trừ xe mô tô, xe gắn máy). 2. Tổng thành là động cơ; khung; buồng lái, thân xe hoặc thùng xe, khoang chở khách; thiết bị chuyên dùng lắp trên xe. 3. Hệ thống là hệ thống truyền lực; hệ thống chuyển động; hệ thống treo; hệ thống phanh; hệ thống lái; hệ thống nhiên liệu; hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu.</p>	<p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Xe cơ giới là các phương tiện giao thông đường bộ được định nghĩa, phân loại tại các tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6211 và TCVN 7271 (trừ xe mô tô, xe gắn máy). 2. Tổng thành của xe cơ giới gồm: động cơ; khung; buồng lái, thân xe hoặc thùng xe; thiết bị chuyên dùng lắp trên xe. 3. Hệ thống của xe cơ giới gồm: hệ thống truyền lực; hệ thống chuyển động; hệ thống treo; hệ thống phanh; hệ thống lái; hệ thống nhiên liệu; hệ thống điện; hệ thống chiếu sáng và tín hiệu.</p>

<b>THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT</b>	<b>THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT</b>
<p>4. <i>Cải tạo xe cơ giới</i> là việc thay đổi kết cấu, hình dáng, bố trí, nguyên lý làm việc, thông số, đặc tính kỹ thuật của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, tổng thành của xe cơ giới. Trường hợp thay thế hệ thống, tổng thành bằng hệ thống, tổng thành khác cùng kiểu loại, của cùng nhà sản xuất (cùng mã phụ tùng) thì không phải là cải tạo.</p> <p>5. Xe bao gồm xe ô tô, sơ mi rơ moóc và rơ moóc.</p> <p>6. <i>Xe nguyên thủy</i> (xe cơ giới chưa cải tạo) là xe cơ giới không có sự thay đổi cấu tạo, hình dáng, bố trí, nguyên lý làm việc, thông số, đặc tính kỹ thuật của toàn bộ các hệ thống, tổng thành so với thiết kế của nhà sản xuất.</p> <p>7. <i>Cơ sở thiết kế</i> là tổ chức kinh doanh ngành nghề dịch vụ thiết kế xe cơ giới.</p> <p>8. <i>Cơ sở cải tạo</i> là tổ chức kinh doanh ngành nghề thi công cải tạo, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới.</p> <p>9. <i>Thẩm định thiết kế</i> là việc xem xét, kiểm tra, đối chiếu và đánh giá các nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan.</p> <p>10. <i>Nghiệm thu xe cơ giới cải tạo</i> là việc kiểm tra, đánh giá xe cơ giới đã được thi công cải tạo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định (sau đây gọi là nghiệm thu).</p>	<p>4. Xe cơ giới trước cải tạo là xe cơ giới đã được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo; chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p> <p>5. Cải tạo xe cơ giới là việc thay đổi đặc điểm của xe cơ giới quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này dẫn đến không cùng kiểu loại với xe cơ giới trước cải tạo liền kề trước đó.</p> <p>6. Cơ sở thiết kế là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, thực hiện dịch vụ thiết kế xe cơ giới.</p> <p>7. Cơ sở cải tạo là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, thực hiện dịch vụ thi công cải tạo xe cơ giới.</p> <p>8. Thẩm định thiết kế là việc xem xét, đối chiếu và đánh giá các nội dung của hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới với các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo được quy định tại Thông tư này.</p> <p>9. Nghiệm thu xe cơ giới cải tạo là việc kiểm tra xe cơ giới được thi công cải tạo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định đạt yêu cầu, theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>10. Cơ quan nghiệm thu là đơn vị đăng kiểm xe cơ giới đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định, thực hiện việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo đáp ứng theo yêu cầu tại Thông tư này.</p>
<p><b>Điều 4. Các quy định khi cải tạo xe cơ giới</b></p>	<p><b>2. Sửa đổi, bổ sung đoạn trích dẫn Điều 4; khoản 3, khoản 5, khoản 8, khoản 12, khoản 16, khoản 19, khoản 20, khoản 21 Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p>
<p>Việc cải tạo xe cơ giới và xe cơ giới sau khi cải tạo phải phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới khi tham gia giao thông và phải tuân thủ các quy định sau đây:</p>	<p>Các hạng mục cải tạo xe cơ giới phải phù hợp với các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Việc cải tạo xe cơ giới phải tuân thủ các quy định sau đây:</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>1. Không cải tạo thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) đối với xe cơ giới đã có thời gian sử dụng trên 15 năm, kể từ năm sản xuất của xe cơ giới đến thời điểm thẩm định thiết kế.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p>2. Không cải tạo xe cơ giới chuyên dùng nhập khẩu thành xe cơ giới loại khác trong thời gian 05 năm, xe đông lạnh nhập khẩu thành xe loại khác trong thời gian 03 năm, kể từ ngày được cấp biển số đăng ký lần đầu.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p>3. Không cải tạo thùng xe của xe tải nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp mới, chưa qua sử dụng trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường lần đầu đến khi thẩm định thiết kế (trừ trường hợp cải tạo thành xe tập lái, sát hạch; cải tạo lắp đặt thêm mui phủ của xe tải thùng hở).</p>	<p>3. Không cải tạo thùng xe của xe tải chưa qua sử dụng được nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trong thời gian 06 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định lần đầu đến ngày nộp hồ sơ thiết kế (trừ trường hợp cải tạo thành xe tập lái, xe sát hạch lái xe; cải tạo lắp đặt thêm mui phủ của xe tải thùng hở).</p>
<p>4. Không cải tạo xe cơ giới loại khác thành xe chở người và ngược lại, trừ trường hợp xe chở người từ 16 chỗ (kể cả chỗ người lái) trở xuống thành xe chuyên dùng hoặc thành xe ô tô tải VAN.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p>5. Không cải tạo hệ thống treo của xe cơ giới.</p>	<p>5. Không cải tạo các hệ thống phanh, hệ thống treo và hệ thống lái của xe cơ giới, trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cải tạo lắp đặt hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch lái xe;</li> <li>b) Cải tạo để cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc;</li> <li>c) Cải tạo đối với xe cơ giới tay lái nghịch;</li> <li>d) Cải tạo các cơ cấu điều khiển và ghế ngồi phù hợp với chức năng vận động của người khuyết tật điều khiển xe;</li> <li>đ) Cải tạo theo đề nghị của nhà sản xuất xe (có văn bản xác nhận của nhà sản xuất xe hoặc đại diện được ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất xe nêu rõ nội dung đề nghị cải tạo kèm theo tài liệu hướng dẫn và danh sách các linh kiện, cụm linh kiện được sử dụng để thay thế) đối với một số trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Đối với hệ thống phanh: thay đổi một số linh kiện, cụm linh kiện của hệ thống phanh nhằm loại bỏ các nguy cơ tiềm ẩn về mất an toàn hoặc để nâng cao hiệu quả phanh;</li> <li>Đối với hệ thống lái: thay đổi một số linh kiện, cụm linh kiện của hệ thống lái nhằm loại bỏ các nguy cơ tiềm ẩn về mất an toàn hoặc để nâng</li> </ul> </li> </ul>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>cao tính tiện nghi và an toàn;          Đối với hệ thống treo: thay đổi một số linh kiện, cụm linh kiện của hệ thống treo bằng cách lắp đặt các linh kiện, cụm linh kiện có khả năng chịu tải tương đương (không nhằm mục đích tăng khối lượng hàng chuyên chở) nhằm loại bỏ các nguy cơ tiềm ẩn về mất an toàn.</p>
<p>6. Không cải tạo hệ thống phanh của xe cơ giới, trừ các trường hợp:          a) Lắp đặt bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch và ngược lại;          b) Cải tạo để cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc.          7. Không cải tạo hệ thống lái của xe cơ giới, trừ trường hợp cải tạo đối với xe cơ giới tay lái nghịch được nhập khẩu.</p>	<p>Bãi bỏ</p>
<p>8. Không cải tạo lắp đặt giường nằm loại hai tầng lên xe chở người.</p>	<p>8. Không cải tạo lắp đặt giường nằm loại hai tầng lên xe chở người, trừ trường hợp ô tô trước cải tạo là ô tô khách có giường nằm hai tầng.</p>
<p>9. Không cải tạo tăng kích thước khoang chở hành lý của xe chở người.          10. Không cải tạo xe ô tô đầu kéo thành xe cơ giới loại khác (trừ xe chuyên dùng).          11. Không cải tạo thay đổi kích cỡ lốp, số trục và vết bánh xe của xe cơ giới.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p>12. Không cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới, trừ các trường hợp: cải tạo thành xe chuyên dùng, đầu kéo; cải tạo thu ngắn chiều dài cơ sở khi cải tạo trở lại thành xe nguyên thủy và khi cải tạo để giảm chiều dài toàn bộ, kích thước thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải phù hợp quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông đường bộ (sau đây gọi là Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT). Đối với sơ mi rơ moóc tải (trừ sơ mi rơ moóc tải tự đổ) và sơ mi rơ moóc chở công-ten-ơ có khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn khối lượng toàn bộ theo thiết kế được cải tạo thay đổi vị trí các trục, cụm trục, chốt kéo đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.</p>	<p>12. Không cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới, trừ các trường hợp: cải tạo thành xe chuyên dùng, xe đầu kéo; cải tạo thu ngắn chiều dài cơ sở khi cải tạo trở lại thành xe cơ giới trước cải tạo lần đầu và cải tạo để giảm chiều dài toàn bộ, kích thước thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải phù hợp quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông đường bộ.</p>
<p>13. Không cải tạo tăng chiều dài toàn bộ của xe cơ giới, trừ các trường hợp cải tạo thành xe chuyên dùng và cải tạo thay đổi tấm ốp mặt trước, sau của xe chở người.</p>	<p>Không sửa đổi</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>14. Không cải tạo tăng kích thước lòng thùng xe của xe tải, thể tích xi téc của xe xi téc. Khi cải tạo lắp thêm mui phủ lên xe tải thùng hở không có mui phủ thì không được tăng chiều cao của thành thùng xe.</p> <p>15. Không được tăng kích thước lòng thùng xe, thể tích xi téc đối với xe tải, xe xi téc đã cải tạo thành xe loại khác khi cải tạo trở lại loại xe nguyên thủy.</p>	Bãi bỏ
<p>16. Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông của xe cơ giới sau cải tạo phải đảm bảo:</p> <p>a) Đối với xe chở người: Không lớn hơn giá trị nhỏ của khối lượng toàn bộ theo thiết kế tương ứng với số người cho phép chở lớn nhất theo thiết kế của nhà sản xuất và khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông theo quy định về tải trọng cầu đường.</p> <p>b) Đối với xe tải và xe chuyên dùng: Không lớn hơn giá trị của khối lượng toàn bộ theo thiết kế của nhà sản xuất và khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông theo quy định về tải trọng cầu đường.</p>	<p>16. Khối lượng toàn bộ, khối lượng toàn bộ phân bố lên từng trục cho phép tham gia giao thông của xe cơ giới sau cải tạo phải bảo đảm không vượt quá giá trị khối lượng toàn bộ, khối lượng toàn bộ phân bố lên từng trục theo thiết kế của nhà sản xuất và quy định về giới hạn tải trọng trục xe và giới hạn tổng trọng lượng của xe.</p>
<p>17. Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông của xe cơ giới sau cải tạo không được lớn hơn khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế của xe nguyên thủy.</p>	Bãi bỏ
<p>18. Xe cơ giới sau cải tạo là xe tự đổ, xe xi téc, xe tải phải có thông số kỹ thuật phù hợp quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT.</p>	Không sửa đổi
<p>19. Không sử dụng các hệ thống, tổng thành đã qua sử dụng trong cải tạo xe cơ giới, trừ thiết bị chuyên dùng, động cơ (trường hợp sử dụng lại động cơ của xe cơ giới đã qua sử dụng phải đảm bảo xe được lấy động cơ để sử dụng có thời gian sử dụng tính từ năm sản xuất không quá 15 năm, kể cả trường hợp thay thế động cơ cùng kiểu loại). Động cơ thay thế có công suất lớn nhất nằm trong khoảng từ 90% đến 120% công suất lớn nhất của động cơ của xe nguyên thủy.</p>	<p>19. Không sử dụng lại động cơ của xe cơ giới đã có thời gian sử dụng quá 15 năm tính từ năm sản xuất để thay thế hoặc cải tạo. Động cơ thay thế có công suất lớn nhất theo công bố của nhà sản xuất nằm trong khoảng từ 90% đến 120% so với công suất lớn nhất của động cơ được thay thế.</p>
<p>20. Cần cầu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng khi lắp mới lên xe cơ giới cải tạo phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, chứng nhận về tính năng, chất lượng, an toàn kỹ thuật.</p>	<p>20. Cần cầu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng khi lắp lên xe cơ giới cải tạo phải được kiểm tra, chứng nhận về tính năng, chất lượng, an toàn kỹ thuật bởi các tổ chức đã được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.
21. Trong suốt quá trình sử dụng, mỗi xe cơ giới chỉ được cải tạo, thay đổi 1 trong 2 tổng thành chính là động cơ hoặc khung và không được cải tạo quá 3 hệ thống, tổng thành sau: buồng lái, thân xe hoặc thùng xe, khoang chở khách; truyền lực; chuyển động; treo; phanh; lái; nhiên liệu.	21. Xe cơ giới chỉ được cải tạo thay thế một trong hai tổng thành chính là động cơ hoặc khung trong suốt quá trình sử dụng.
22. Việc cải tạo một hệ thống, tổng thành nếu dẫn đến việc ảnh hưởng tới thông số, đặc tính làm việc của các hệ thống, tổng thành có liên quan khác thì phải được xem xét, tính toán cụ thể và phải được coi là cải tạo cả hệ thống, tổng thành có liên quan.	Bãi bỏ
23. Trong trường hợp xe cơ giới cải tạo để đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng mà có nội dung cải tạo không phù hợp với các quy định tại Điều này thì vẫn được thực hiện cải tạo. Xe cơ giới đã cải tạo thành xe cơ giới cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng chỉ được cải tạo trở lại xe nguyên thủy.	Bãi bỏ
Chưa có	<p><b>3. Bổ sung Điều 4a vào Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p> <p><b>Điều 4a. Trường hợp xe cơ giới có sự thay đổi nhưng không được coi là cải tạo</b></p> <p>1. Các trường hợp xe cơ giới có sự thay đổi nhưng không được coi là cải tạo, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thay đổi cửa lên xuống khoang hành khách (không bao gồm thay đổi vị trí và kích thước cửa);</li> <li>b) Thay đổi một số kết cấu thùng chở hàng như: bịt kín hoặc thay đổi kết cấu cánh cửa thùng hàng; thay thế tôn bọc dạng phẳng thành dạng sóng hoặc ngược lại; bọc thêm tôn phần khung mũi của xe mũi phủ không làm tăng chiều cao thành thùng hàng (Hc) quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT; lắp thêm hoặc tháo bỏ nắp chắn bụi cho thùng chở hàng của xe ô tô tải tự đổ;</li> <li>c) Lắp, thay thế hoặc tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý của xe ô tô PICKUP nhưng không làm thay đổi kích thước lòng thùng hàng và kích thước bao của xe;</li> <li>d) Lắp đặt thêm đèn sương mù dạng rời;</li> <li>đ) Thay thế cụm đèn chiếu sáng phía trước bằng cụm đèn đã được</li> </ul>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>chứng nhận hoặc công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đặc tính quang học đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, QCVN 35:2017/BGTVT mà không cần phải gia công thay đổi kết cấu của xe để đảm bảo việc lắp đặt;</p> <p>e) Thay thế bóng đèn thuộc cụm đèn chiếu sáng phía trước bằng bóng đèn loại khác có công suất tiêu thụ điện tương đương mà không cần phải can thiệp, thay đổi kết cấu của cụm đèn;</p> <p>g) Thay đổi các chi tiết, bộ phận thân vỏ là tùy chọn của nhà sản xuất xe nhưng không làm thay đổi kích thước bao ngoài của xe, trừ các trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này. Việc lắp đặt thực hiện theo khuyến cáo của nhà sản xuất xe hoặc đại diện được ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất xe;</p> <p>h) Thay đổi về kiểu dáng một số chi tiết của phần thân vỏ xe như: lưới tản nhiệt trước xe, cánh lướt gió;</p> <p>i) Lắp đặt thêm mui gió trên nóc ca bin ô tô tải, bậc bước chân lên xuống, trang trí ống xả, đai trang trí bảo hiểm đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu mà không làm thay đổi kích thước bao ngoài của xe.</p> <p>2. Việc thay đổi của các xe cơ giới quy định tại khoản 1 Điều này mà không làm thay đổi kiểu loại xe quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này và đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng thì được kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định.”.</p>
<p><b>Điều 5. Hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo</b>          Hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo bao gồm:</p> <p>1. Bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua hệ thống bưu chính) hoặc tài liệu dạng điện tử (đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới theo quy định tại mục A của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>2. Bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua hệ thống bưu chính) hoặc tài liệu dạng điện tử (đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) bản vẽ kỹ thuật theo quy định tại mục B của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>Không sửa đổi</p>



THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<b>Điều 6. Miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo</b>	<b>4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 Điều 6; bổ sung khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều 6 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b>
Xe cơ giới cải tạo trong các trường hợp sau được miễn lập hồ sơ thiết kế: 1. Xe ô tô tập lái, sát hạch lắp đặt hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí.	Không sửa đổi
2. Lắp thêm hoặc tháo bỏ các nắp chắn bụi cho thùng xe của xe ô tô tải tự đổ nhưng không làm thay đổi kích thước lòng thùng xe.	Bãi bỏ
3. Lắp thêm hoặc tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý của xe ô tô PICKUP nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe.	3. Lắp, thay thế hoặc tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý của xe ô tô PICKUP làm thay đổi kích thước lòng thùng hàng nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe.
4. Xe ô tô tải tự đổ và xe ô tô xi téc nhập khẩu, sản xuất lắp ráp, cải tạo trước ngày 01 tháng 11 năm 2014 có nhu cầu tự nguyện cắt giảm thể tích thùng hàng, xi téc để phù hợp quy định tại Thông tư 42/2014/TT-BGTVT.	Không sửa đổi
5. Tháo bỏ hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) cho động cơ của xe đối với xe cơ giới đã cải tạo lắp đặt thêm hệ thống cung cấp nhiên liệu LPG để quay trở về chỉ sử dụng hệ thống cung cấp nhiên liệu của xe nguyên thủy.	5. Tháo bỏ hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) hoặc khí thiên nhiên nén (CNG) cho động cơ của xe đối với xe cơ giới đã cải tạo lắp đặt thêm hệ thống cung cấp nhiên liệu (LPG, CNG) trở về chỉ sử dụng hệ thống cung cấp nhiên liệu của xe cơ giới trước khi cải tạo hệ thống cung cấp nhiên liệu.
6. Cải tạo thay đổi vị trí các trục, cụm trục, chốt kéo đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 đối với sơ mi rơ moóc tải (trừ sơ mi rơ moóc tải tự đổ) và sơ mi rơ moóc chở công-ten-nơ có khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn khối lượng toàn bộ theo thiết kế.	Bãi bỏ
7. Cải tạo theo thiết kế mẫu do Cục Đăng kiểm Việt Nam công bố.	Bãi bỏ
8. Chưa có	8. Lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe.
9. Chưa có	9. Lắp, thay thế hoặc tháo bỏ mui gió trên nóc ca bin ô tô đầu kéo.

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
10. Chưa có	10. Lắp, thay thế hoặc tháo bỏ bơm, thùng dầu và hệ thống đường ống thủy lực của xe đầu kéo để dẫn động cho hệ thống nâng hạ thùng hàng của sơ mi rơ moóc tải tự đổ.
11. Chưa có	11. Thay đổi bố trí chỗ ngồi hành khách hoặc cửa xếp dỡ hàng hóa của thùng hàng hoặc vật liệu bọc, lót thùng hàng.
12. Chưa có	12. Ô tô tải lắp thêm hoặc thay thế thiết bị nâng hạ hàng hóa của thùng hàng đã có giấy chứng nhận an toàn của Cơ quan có thẩm quyền hoặc tháo bỏ thiết bị này.
<b>Điều 7. Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo:</b>	<b>5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và khoản 4 Điều 7 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT) như sau:</b>
1. Hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm định thiết kế) thẩm định theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này, nếu đạt yêu cầu thì phê duyệt thiết kế và cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế).	Không sửa đổi
2. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế có hiệu lực tối đa là 12 tháng, kể từ ngày ký nhưng không quá niên hạn sử dụng của xe (nếu có) hoặc không quá 15 năm, kể từ năm sản xuất của xe cơ giới (đối với trường hợp cải tạo thay đổi mục đích sử dụng).	Bãi bỏ
3. Người thẩm định thiết kế của cơ quan thẩm định thiết kế phải là kỹ sư cơ khí ô tô đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam tập huấn nghiệp vụ về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định trong công tác cải tạo xe cơ giới.	Không sửa đổi
4. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế bao gồm: a) Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế bản chính hoặc biểu mẫu điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; b) 02 bộ hồ sơ thiết kế (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc 01 hồ sơ dạng điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) có	Không sửa đổi

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>thành phần theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;</p> <p>c) Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế;</p> <p>d) Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).</p> <p>5. Trình tự, thủ tục thẩm định thiết kế</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế đến cơ quan thẩm định thiết kế;</p>	
<p>b) Cơ quan thẩm định thiết kế tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);</p>	<p>b) Cơ quan thẩm định thiết kế tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp và qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính); trường hợp hồ sơ đầy đủ, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ (bản chính đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bản điện tử đối với hệ thống dịch vụ công trực tuyến) theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;</p>
<p>c) Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành thẩm định thiết kế theo quy định: Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;</p>	<p>c) Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành thẩm định thiết kế theo quy định, nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Cơ sở thiết kế sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;</p> <p>d) Trường hợp thành phần hồ sơ thiết kế đầy đủ nhưng có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo cho Cơ sở thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>này để bổ sung, sửa đổi hồ sơ thiết kế. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu thì Cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thiết kế; nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì cơ quan thẩm định thiết kế thông báo hồ sơ thiết kế xe cơ giới không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà Cơ sở thiết kế không thực hiện sửa đổi, bổ sung, Cơ quan thẩm định thiết kế sẽ cấp Thông báo hồ sơ thiết kế xe cơ giới không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p>
<p>d) Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>e) Cơ sở thiết kế có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.</p>
<p>đ) Chưa có</p>	<p>đ) Cơ quan thẩm định thiết kế phải ghi nhận vào Phiếu kiểm soát toàn bộ quá trình thẩm định thiết kế theo quy định tại khoản này theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p>
<p>6. Hồ sơ thiết kế sau khi được phê duyệt và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế được lưu tại cơ quan thẩm định thiết kế 01 bộ, cơ sở cải tạo 01 bộ, cơ quan nghiệm thu 01 bộ và cơ sở thiết kế 01 bộ.</p>	<p>6. Hồ sơ thiết kế đã được thẩm định đạt yêu cầu và được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế được lưu tại cơ quan thẩm định thiết kế 01 bộ và cấp cho cơ sở thiết kế 01 bộ đối với trường hợp nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính. Trường hợp cơ sở thiết kế nộp thiết kế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì được trả kết quả trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến.</p>
<p><b>Điều 8. Trách nhiệm thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo</b></p>	<p><b>6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p>
<p>1. Các Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thẩm định các thiết kế cải tạo xe cơ giới có đăng ký biển số tại địa phương mình theo quy định sau:</p> <p>a) Cải tạo, lắp đặt các hệ thống, tổng thành: khung; động cơ; truyền lực; buồng lái, thân xe hoặc thùng chở hàng, khoang chở khách; hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu của: xe tải (trừ xe tải chuyên dùng và ô tô tải không có thùng xe đã qua sử dụng nhập khẩu); xe chở người đến 25 chỗ (kể cả chỗ người lái), kể cả trường hợp cải tạo xe chở người trên 25 chỗ thành xe chở người đến 25 chỗ;</p>	<p>1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới đối với:</p> <p>a) Cải tạo các loại xe khác thành xe chuyên dùng, ô tô đầu kéo;</p> <p>b) Cải tạo đối với xe cơ giới tay lái nghịch;</p> <p>c) Các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 4 Thông tư này.</p> <p>2. Sở Giao thông vận tải thực hiện thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.”.</p>

<b>THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT</b>	<b>THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT</b>
<p>b) Lắp đặt ghế ngồi trên thùng xe của xe ô tô tải tập lái, sát hạch;  c) Cải tạo xe ô tô chở người thành xe ô tô cứu thương, ô tô tang lễ;  d) Cải tạo xe ô tô chở người từ 16 chỗ (kể cả chỗ người lái) trở xuống thành xe ô tô tải VAN.</p> <p>2. Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm thẩm định các thiết kế cải tạo không quy định tại khoản 1 Điều này hoặc khi có yêu cầu.</p> <p>3. Trong trường hợp các Sở Giao thông vận tải không đủ điều kiện để thẩm định thiết kế thì Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thực hiện.</p>	
<b>Điều 9. Thi công cải tạo</b>	<b>7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b>
<p>1. Việc thi công cải tạo xe cơ giới phải thực hiện tại các cơ sở cải tạo có kinh doanh ngành nghề thi công cải tạo, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc thi công cải tạo xe cơ giới phải thực hiện theo đúng thiết kế đã được thẩm định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Xe cơ giới sau thi công cải tạo xuất xưởng phải được cơ sở cải tạo kiểm tra đảm bảo chất lượng sản phẩm. Kết quả kiểm tra được lập thành Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>1. Việc thi công cải tạo xe cơ giới phải hoàn thiện tại xưởng của cơ sở cải tạo.</p> <p>2. Xe cơ giới sau thi công cải tạo phải phù hợp với thiết kế đã được thẩm định đạt yêu cầu.</p> <p>3. Xe cơ giới sau thi công cải tạo phải được cơ sở cải tạo kiểm tra và lập Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Thành phần nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo bao gồm chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật, cán bộ kỹ thuật và lãnh đạo của cơ sở cải tạo.</p> <p>4. Để đảm bảo thực hiện được đúng, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này đối với các trường hợp cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người; cải tạo lắp mới thùng xe của xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh thì cơ sở cải tạo phối hợp với chủ phương tiện thông báo đến cơ quan nghiệm thu để kiểm tra và nghiệm thu trước phần kết cấu khung xương của thân xe, thùng xe theo thiết kế tại cơ sở cải tạo trước khi hoàn thiện toàn bộ nội dung thi công theo hồ sơ thiết kế.</p>
<b>Điều 10. Nghiệm thu xe cơ giới cải tạo</b>	<b>8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b>
<p>1. Xe cơ giới sau khi thi công cải tạo theo thiết kế đã thẩm định phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi chung là cơ quan nghiệm thu) nghiệm thu theo trách nhiệm quy định tại khoản 2,</p>	<p>1. Hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo bao gồm:  a) Bản chính hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp thực hiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>khoản 3 Điều này và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận cải tạo).</p> <p>2. Cục Đăng kiểm Việt Nam nghiệm thu xe cơ giới cải tạo các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cải tạo chuyên đổi vị trí vô lăng của xe ô tô tay lái nghịch;</li> <li>b) Cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người;</li> <li>c) Cải tạo từ xe ô tô tải không có thùng xe đã qua sử dụng nhập khẩu;</li> <li>d) Cải tạo hệ thống cung cấp nhiên liệu của xe cơ giới (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư này);</li> <li>đ) Cải tạo xe cơ giới các loại thành xe chuyên dùng.</li> </ul> <p>3. Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới nghiệm thu tại đơn vị các xe cơ giới cải tạo ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Thành phần nghiệm thu xe cơ giới cải tạo là đăng kiểm viên đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam tập huấn nghiệp vụ về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định trong công tác cải tạo xe cơ giới và đại diện cơ sở cải tạo xe.</p> <p>5. Đối với trường hợp cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người; cải tạo lắp mới thùng xe của xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh thì cơ sở cải tạo phải thông báo đến cơ quan nghiệm thu để kiểm tra và nghiệm thu trước phần kết cấu khung xương của thân xe, thùng xe theo thiết kế tại cơ sở cải tạo trước khi hoàn thiện.</p> <p>6. Nội dung nghiệm thu: Cơ quan nghiệm thu căn cứ nội dung thiết kế cải tạo của xe cơ giới và quy trình chung nghiệm thu xe cơ giới cải tạo được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>7. Hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>b) Thiết kế đã được thẩm định. Đối với trường hợp miễn thiết kế quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 6 của Thông tư này phải có bản vẽ tổng thể xe cơ giới sau cải tạo do cơ sở cải tạo lập;</li> <li>c) Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo;</li> <li>d) Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo;</li> </ul>	<p>cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và hồ sơ thiết kế đã được thẩm định có xác nhận của Cơ sở thiết kế hoặc bản điện tử đối với hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trừ các trường hợp miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;</li> <li>c) Bản chính hoặc bản điện tử ảnh chụp tổng thể góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo, trừ các trường hợp miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;</li> <li>d) Bản chính hoặc bản điện tử Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo, trừ các trường hợp miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;</li> <li>đ) Bản chính hoặc bản điện tử bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các trường hợp miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;</li> <li>e) Bản sao hoặc bản điện tử các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo (có xác nhận của cơ sở cải tạo), trừ các trường hợp miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;</li> <li>g) Bản sao hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật đối với cần cầu, thiết bị nâng, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí hóa lỏng, xi téc chịu áp lực và các thiết bị chuyên dùng theo quy định (có xác nhận của cơ sở cải tạo);</li> <li>h) Riêng trường hợp các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật thì được sử dụng cùng một thiết kế. Hồ sơ để nghiệm thu đối với xe cơ giới sử dụng cùng một thiết kế ngoài các thành phần quy định tại khoản 1 Điều này thì phải có Văn bản đồng ý sử dụng chung hồ sơ thiết kế của Cơ sở thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.</li> </ul>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>đ) Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>e) Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo;</p> <p>g) Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với cần cầu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng và các thiết bị chuyên dùng theo quy định.</p> <p>8. Việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo phải sử dụng các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phù hợp để kiểm tra các hạng mục, hệ thống, tổng thành liên quan đến nội dung cải tạo.</p> <p>9. Kết quả nghiệm thu được lập thành Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>10. Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thi công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện. Hồ sơ để nghiệm thu sản phẩm tiếp theo bao gồm:</p> <p>a) Văn bản của cơ quan thẩm định thiết kế về việc đồng ý cho sử dụng thiết kế đã được thẩm định để thi công cải tạo;</p> <p>b) Hồ sơ nghiệm thu cải tạo theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và điểm g khoản 7 Điều này.</p>	<p>2. Trình tự, thủ tục nghiệm thu:</p> <p>a) Chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật nộp 01 bộ Hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan nghiệm thu trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>b) Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định, cơ quan nghiệm thu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan nghiệm thu cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ (bản chính đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bản điện tử đối với hệ thống dịch vụ công trực tuyến) theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nghiệm thu tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo và lập Biên bản kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu cơ quan nghiệm thu cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận cải tạo), Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới sau cải tạo; trường hợp kết quả nghiệm thu không đạt yêu cầu, cơ quan nghiệm thu cấp Thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này cho chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật đưa phương tiện đi khắc phục các nội dung không đạt và nghiệm thu lại từ đầu theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>d) Chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật phải nộp các khoản giá, phí, lệ phí liên quan theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Cơ quan nghiệm thu phải thực hiện ghi nhận vào Phiếu kiểm soát toàn bộ quá trình nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại khoản 2</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>Điều này và theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>3. Nội dung nghiệm thu:</p> <p>a) Đơn vị đăng kiểm căn cứ nội dung hồ sơ thiết kế của xe cơ giới cải tạo đã được thẩm định đạt yêu cầu và quy trình chung nghiệm thu xe cơ giới cải tạo được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này để tiến hành nghiệm thu xe cơ giới;</p> <p>b) Việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo phải sử dụng các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phù hợp để kiểm tra các hạng mục, hệ thống, tổng thành liên quan đến nội dung cải tạo;</p> <p>c) Thành phần nghiệm thu xe cơ giới cải tạo bao gồm: chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật, đăng kiểm viên nghiệm thu, lãnh đạo đơn vị đăng kiểm xe cơ giới đủ điều kiện ký giấy chứng nhận kiểm định.</p> <p>4. Việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo đối với xe cơ giới đang lưu hành đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định trước ngày 15/02/2024 được thực hiện như sau:</p> <p>a) Xe cơ giới đang lưu hành có kích thước bao và hình ảnh phù hợp với Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp lần gần nhất nhưng khác về khối lượng bản thân hoặc kích thước lòng thùng hàng thì không phải thực hiện lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo và chỉ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo để ghi nhận lại theo thực tế nhưng phải phù hợp quy định hiện hành đối với: kích thước lòng thùng hàng và khối lượng bản thân. Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông được tính toán và ghi nhận tương ứng với sự thay đổi của khối lượng bản thân thực tế đã thay đổi. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu chỉ bao gồm văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Xe cơ giới đang lưu hành có một trong các yếu tố khối lượng bản thân, kết cấu, kích thước thùng hàng, kích thước bao khác với Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp lần gần nhất thì phải lập Hồ sơ thiết kế kỹ thuật cải tạo xe cơ giới để tiến hành thủ tục thẩm định thiết kế và nghiệm thu xe cơ giới để ghi nhận sự thay đổi. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu chỉ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a,</p>



THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	điểm b khoản 1 Điều này.”.
<p><b>Điều 11. Cấp Giấy chứng nhận cải tạo</b></p>	<p><b>9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT) như sau:</b></p>
<p>1. Xe cơ giới sau cải tạo đã nghiệm thu đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định thì được cấp Giấy chứng nhận cải tạo.</p> <p>2. Giấy chứng nhận cải tạo gồm 02 liên, cấp cho chủ xe để làm thủ tục kiểm định và đăng ký biển số.</p> <p>3. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cải tạo là 06 tháng, kể từ ngày ký.</p> <p>a) Trường hợp chủ xe làm mất Giấy chứng nhận cải tạo còn hiệu lực thì phải có đơn báo mất nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua các hình thức phù hợp khác đến cơ quan đã nghiệm thu để cấp lại. Cơ quan nghiệm thu cấp lại Giấy chứng nhận cải tạo ngay sau khi nhận được đề nghị của chủ xe. Giấy chứng nhận cải tạo được cấp lại có ngày hết hạn hiệu lực trùng với Giấy chứng nhận cải tạo đã mất.</p> <p>b) Trường hợp chủ xe làm mất Giấy chứng nhận cải tạo hết hiệu lực thì phải có đơn báo mất nộp cho cơ quan đã nghiệm thu để nghiệm thu và cấp mới Giấy chứng nhận cải tạo.</p> <p>c) Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo hết hiệu lực thì chủ xe nộp lại Giấy chứng nhận cải tạo cũ cho cơ quan đã nghiệm thu để nghiệm thu và cấp mới Giấy chứng nhận cải tạo.</p> <p>4. Giấy chứng nhận cải tạo được in từ chương trình phần mềm quản lý công tác cải tạo xe cơ giới.</p> <p>5. Các kết quả nghiệm thu, ảnh chụp, Biên bản kiểm tra và bản sao Giấy chứng nhận cải tạo được lưu cùng hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo tại cơ quan nghiệm thu.</p> <p>6. Trình tự, thủ tục nghiệm thu.</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại khoản 7 Điều 10 của Thông tư này đến cơ quan nghiệm thu cải tạo;</p> <p>b) Cơ quan nghiệm thu tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện</p>	<p>1. Xe cơ giới sau cải tạo phải được thực hiện nghiệm thu và kiểm định theo quy định tại Phụ lục VI ban hành theo Thông tư này, nếu kết quả đạt yêu cầu thì được cấp Giấy chứng nhận cải tạo gồm 02 liên để làm thủ tục kiểm định và cấp cho chủ xe để làm thủ tục cấp đổi chứng nhận đăng ký xe, đồng thời được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định.</p> <p>2. Trường hợp xe cơ giới thực hiện kiểm định ở lần kiểm định tiếp theo kể từ thời điểm nghiệm thu đạt yêu cầu, nếu chủ phương tiện chưa thực hiện việc cấp đổi chứng nhận đăng ký xe theo quy định thì đơn vị đăng kiểm xe cơ giới từ chối việc kiểm định.</p> <p>3. Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật phải gửi thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đã nghiệm thu, trình báo và có xác nhận của cơ quan công an nơi mất giấy tờ, thực hiện thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau 30 ngày kể từ ngày đơn vị đăng kiểm nhận được văn bản thông báo, nếu không tìm được giấy tờ đã mất thì chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật khai báo theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo các giấy tờ liên quan cùng các bằng chứng đã thông báo tìm kiếm, giấy xác nhận của cơ quan công an đến đơn vị đăng kiểm để được in lại Giấy chứng nhận cải tạo trong 01 ngày làm việc kể từ ngày khai báo. Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị hỏng, rách thì chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật khai báo theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này và nộp lại Giấy chứng nhận cải tạo bị hỏng, rách đến đơn vị đăng kiểm đã nghiệm thu để được in lại trong 01 ngày làm việc kể từ ngày khai báo.</p> <p>4. Giấy chứng nhận cải tạo được in từ Chương trình phần mềm quản</p>

<b>THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT</b>	<b>THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT</b>
<p>lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan nghiệm thu tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả nghiệm thu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan nghiệm thu hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.</p>	<p>lý công tác cải tạo xe cơ giới.”.</p>
<p><b>Điều 12. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam</b></p>	<p><b>10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 12; bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 12 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p>
<p>1. Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Thông tư này.</p>	<p>1. Tổ chức kiểm tra, hỗ trợ chuyên môn cho các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Thông tư này. Trường hợp phát hiện vi phạm thì thực hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền. Đăng nhập thông tin cảnh báo đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cải tạo xe cơ giới vi phạm quy định tại Thông tư này lên chương trình phần mềm quản lý công tác cải tạo xe cơ giới.</p>
<p>2. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng chương trình phần mềm quản lý công tác cải tạo xe cơ giới.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p>3. Thẩm định thiết kế và nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Thông tư này.</p>	<p>3. Thẩm định thiết kế theo quy định tại Thông tư này.</p>
<p>4. Biên soạn tài liệu tập huấn và tổ chức tập huấn nghiệp vụ về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ nghiệp vụ, quy định trong công tác cải tạo xe cơ giới cho cán bộ thẩm định thiết kế và đăng kiểm viên nghiệm thu xe cơ giới cải tạo.</p> <p>5. Thống nhất phát hành, quản lý, hướng dẫn và kiểm tra sử dụng phôi Giấy chứng nhận cải tạo, Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.</p>	<p>Không sửa đổi</p>
<p>6. Tổng hợp kết quả thực hiện công tác cải tạo xe cơ giới, báo cáo Bộ Giao thông vận tải định kỳ 6 tháng, hàng năm.)</p>	<p>Đã được bãi bỏ tại Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
7. Chưa có	7. Quản lý danh sách các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cải tạo xe cơ giới trên phạm vi cả nước.
8. Chưa có	8. Cung cấp tài khoản đăng nhập Chương trình phần mềm quản lý công tác cải tạo xe cơ giới cho những người thẩm định thiết kế, nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Thông tư này và công bố danh sách những người được cấp tài khoản trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.
<b>Điều 13. Trách nhiệm của các Sở Giao thông vận tải</b>	<b>11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 và bổ sung khoản 5 Điều 13 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b>
1. Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới theo quy định tại Thông tư này.	1. Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới theo quy định tại Thông tư này. Thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cải tạo xe cơ giới tại địa phương. Đăng tải thông tin cảnh báo lên Chương trình phần mềm quản lý công tác xe cơ giới cải tạo đối với các tổ chức, cá nhân có sai phạm được phát hiện trong quá trình thẩm định thiết kế và thanh tra, kiểm tra.
<p>2. Hướng dẫn các cơ sở thiết kế tại địa phương thực hiện quy định tại Thông tư này.</p> <p>3. Sử dụng phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và chương trình phần mềm quản lý công tác cải tạo xe cơ giới đúng quy định.</p> <p>4. Thực hiện báo cáo định kỳ như sau:</p> <p>a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo;</p> <p>b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo số lượng Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế đã cấp; Báo cáo sử dụng phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế;</p> <p>c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải;</p> <p>d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đăng kiểm Việt Nam;</p> <p>đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Thời hạn gửi báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 20 tháng 7 của kỳ báo cáo; đối với báo cáo 6 tháng cuối năm gửi trước ngày 20 tháng 1 của năm tiếp theo;</p> <p>g) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 6 tháng;</p>	Không sửa đổi

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo; đối với báo cáo 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;</p> <p>i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	
Chưa có	5. Quản lý thông tin các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cải tạo xe cơ giới thuộc phạm vi quản lý.
<b>Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm xe cơ giới</b>	<b>12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14; bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 14 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b>
1. Nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận cải tạo theo quy định tại Thông tư này.	1. Nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận cải tạo theo quy định tại Thông tư này. Đăng tải thông tin cảnh báo đối với các cơ sở cải tạo, Cơ sở thiết kế vi phạm quy định tại Thông tư này lên Chương trình phần mềm quản lý công tác xe cơ giới cải tạo.
<p>2. Sử dụng phôi Giấy chứng nhận cải tạo, chương trình phần mềm quản lý công tác cải tạo xe cơ giới đúng quy định.</p> <p>3. Hướng dẫn chủ xe thực hiện việc điều chỉnh kích thước thùng xe, xi téc theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư này.</p> <p>4. Thông báo bằng văn bản tới cơ quan thẩm định thiết kế về việc đề nghị thẩm định lại hồ sơ thiết kế nếu trong quá trình nghiệm thu phát hiện hồ sơ thiết kế có sai sót về kỹ thuật.</p> <p>5. Thực hiện báo cáo định kỳ như sau:</p> <p>a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác nghiệm thu xe cơ giới cải tạo;</p> <p>b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo số lượng Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo đã cấp; Báo cáo sử dụng phôi Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo;</p> <p>c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới;</p> <p>d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;</p> <p>đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của</p>	Không sửa đổi

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
<p>pháp luật;</p> <p>e) Thời hạn gửi báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 20 tháng 7 của kỳ báo cáo; đối với báo cáo 6 tháng cuối năm gửi trước ngày 20 tháng 1 của năm tiếp theo;</p> <p>g) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 6 tháng;</p> <p>h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo; đối với báo cáo 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;</p> <p>i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>6. Báo cáo, cung cấp đầy đủ hồ sơ, số liệu phục vụ việc kiểm tra công tác cải tạo xe cơ giới.</p>	
Chưa có	7. Cử đăng kiểm viên tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên để thực hiện nghiệm thu xe cơ giới cải tạo.
Chưa có	8. Khi nghiệm thu xe cơ giới cải tạo sử dụng chung hồ sơ thiết kế, đơn vị đăng kiểm nghiệm thu kiểm tra, đối chiếu và chỉ thực hiện nghiệm thu xe cơ giới cải tạo khi các thông tin của xe cơ giới trước cải tạo phải có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật với xe cơ giới trước cải tạo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định. Trường hợp phát hiện văn bản đồng ý sử dụng chung thiết kế không phù hợp với xe cơ giới cải tạo, đơn vị đăng kiểm nghiệm thu cấp Thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này cho chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật, đồng thời đăng tải thông tin cảnh báo đối với Cơ sở thiết kế vi phạm lên Chương trình phần mềm quản lý công tác xe cơ giới cải tạo và cảnh báo phương tiện trên chương trình quản lý kiểm định.
Chưa có	<p><b>13. Bổ sung Điều 14a vào Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p> <p><b>Điều 14a. Trách nhiệm của chủ phương tiện</b></p> <p>1. Sử dụng các tài liệu quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 14b để thực hiện việc thi công và nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Thông tư này.</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>2. Tham gia với đơn vị đăng kiểm trong quá trình nghiệm thu bao gồm cả việc chuẩn bị phương tiện và người điều khiển phương tiện.</p> <p>3. Sử dụng phương tiện theo đúng mục đích cải tạo xe cơ giới.</p>
Chưa có	<p><b>14. Bổ sung Điều 14b vào Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p> <p><b>Điều 14b. Trách nhiệm của Cơ sở thiết kế</b></p> <p>1. Thực hiện việc thiết kế tuân thủ các quy định tại Thông tư này.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, phương pháp tính toán, kết quả tính toán trong hồ sơ thiết kế, đồng thời phải ký đầy đủ vào các bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế sau khi hoàn thành việc thiết kế, kiểm tra hồ sơ thiết kế và ký đóng dấu lên Hồ sơ thiết kế.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật cung cấp kèm theo hồ sơ thiết kế cho cơ quan thẩm định thiết kế; nội dung khảo sát về hiện trạng xe cơ giới trước cải tạo; chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của cơ quan thẩm định thiết kế.</p> <p>4. Không lập và nộp hơn một hồ sơ thiết kế cho một phương tiện trong một lần cải tạo.</p> <p>5. Cấp bản sao Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và hồ sơ thiết kế đã được thẩm định hoặc bản điện tử đối với hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện để phục vụ cho việc thi công cải tạo và nghiệm thu xe cơ giới cải tạo.</p> <p>6. Cung cấp cho chủ phương tiện văn bản đồng ý sử dụng bản sao hồ sơ thiết kế do chính Cơ sở thiết kế tự thiết kế và đã được cơ quan thẩm định thiết kế thẩm định, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo quy định tại Thông tư này cho các xe cơ giới có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật với xe cơ giới trước cải tạo, để làm cơ sở cho việc thi công và nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại Thông tư này. Văn bản đồng ý được lưu tại Cơ sở thiết kế, đồng thời gửi Cơ quan thẩm định thiết kế để tổng hợp, theo dõi, quản lý.</p>
Chưa có	<p><b>15. Bổ sung Điều 14c vào Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p> <p><b>Điều 14c. Trách nhiệm của cơ sở cải tạo</b></p> <p>1. Thực hiện cải tạo xe cơ giới theo đúng thiết kế đã được thẩm định, bảo đảm xe cơ giới sau cải tạo phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư này.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, chất lượng của các linh kiện, tổng thành, vật tư thi công cải tạo.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm về việc kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe cơ giới cải tạo và lập Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.</p> <p>4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này để cung cấp cho chủ phương tiện thực hiện việc nộp hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo cho cơ quan nghiệm thu.</p> <p>5. Sử dụng kết quả cân khối lượng phương tiện phân bố trên từng trục của đơn vị có chức năng cân khối lượng theo quy định về pháp luật đo lường hoặc do cơ sở cải tạo tự trang bị thiết bị cân đáp ứng quy định về pháp luật đo lường.</p>
<p><b>Điều 15. Phí và lệ phí</b> Cơ quan thẩm định thiết kế, cơ quan nghiệm thu thực hiện việc nghiệm thu cải tạo được thu phí, lệ phí theo quy định hiện hành.</p>	Không sửa đổi
<p><b>Điều 16. Lưu trữ hồ sơ</b></p>	<p><b>16. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT như sau:</b></p>
<p>1. Hồ sơ thẩm định thiết kế được lưu trữ tại Cơ quan thẩm định thiết kế và được hủy sau 20 năm, trừ Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.</p> <p>2. Hồ sơ nghiệm thu được lưu trữ tại cơ quan nghiệm thu và được hủy sau 20 năm, trừ bản sao Giấy chứng nhận cải tạo.</p>	<p>Hồ sơ thẩm định thiết kế và hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo được lưu trữ đầy đủ, đúng quy định.</p> <p>1. Hồ sơ thẩm định thiết kế được lưu trữ tại Cơ quan thẩm định thiết kế và được hủy sau 20 năm, trừ Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Việc lưu trữ hồ sơ thẩm định thiết kế bao gồm các thành phần sau:</p> <p>a) 01 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo đối với trường hợp nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bản điện tử được in từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến, Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo;</p> <p>b) Các giấy tờ quy định tại các điểm a, c, d khoản 4 Điều 7 đối với trường hợp nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bản điện tử được in từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>2. Hồ sơ nghiệm thu được lưu trữ tại cơ quan nghiệm thu và được hủy</p>

THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>sau 20 năm, trừ bản sao Giấy chứng nhận cải tạo. Việc lưu trữ Hồ sơ nghiệm thu bao gồm các thành phần sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Bản sao Liên 2 của Giấy chứng nhận cải tạo;</li> <li>b) Biên bản kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo;</li> <li>c) Các giấy tờ, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này đối với trường hợp nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bản điện tử được in từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến;</li> <li>d) Ảnh chụp khung xương và các chi tiết, bộ phận khác (đối với trường hợp phải nghiệm thu trước phần kết cấu khung xương của thân xe, thùng xe).”. </li></ol>
<p><b>Điều 17. Hiệu lực thi hành</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2015 và thay thế Thông tư số 29/2012/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</li> <li>2. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và Giấy chứng nhận cải tạo đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị đến hết thời hạn được cấp.</li> <li>3. Trong trường hợp các văn bản, tiêu chuẩn, tài liệu tham chiếu tại Thông tư này thay đổi, bổ sung, chuyển đổi thì áp dụng theo văn bản, tiêu chuẩn, tài liệu mới</li> </ol>	<p><b>Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.</li> <li>2. Quy định chuyên tiếp <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Các Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo và hồ sơ thiết kế đã cấp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực sẽ tiếp tục được sử dụng để thi công, nghiệm thu;</li> <li>b) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.</li> </ol> </li> </ol>
<p><b>Điều 18. Trách nhiệm thực hiện</b></p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>	<p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>
	<p><b>Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT</b></p>
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thay thế cụm từ “Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo” tại tên Chương III, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT bằng cụm từ “Giấy chứng nhận an toàn</li> </ol>



THÔNG TƯ SỐ 85/2014/TT-BGTVT	THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BGTVT
	<p>kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo”.</p> <p>2. Thay thế Phụ lục II, IV, V, VI, VII, IX, X ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT tương ứng bằng Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>3. Bổ sung Phụ lục XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX vào Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT tương ứng bằng Phụ lục VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>4. Bãi bỏ khoản 6, khoản 7, khoản 14, khoản 15, khoản 17, khoản 22 và khoản 23 Điều 4; khoản 2, khoản 6 và khoản 7 Điều 6; khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.</p>